

THIẾT KẾ CÁC HOẠT ĐỘNG BỔ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY KỸ NĂNG NÓI THEO ĐƯỜNG HƯỚNG LẤY NGƯỜI HỌC LÀM TRUNG TÂM CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT

NGUYỄN THỊ HẢI HÀ,
TRẦN QUỲNH LÊ, CẤN THUỖ LINH
Khoa Anh - Trường ĐHNN Hà Nội

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

1.1. Đường hướng lấy người học làm trung tâm

Đường hướng lấy người học làm trung tâm là đường hướng ở đó người học có vai trò là trung tâm trong quá trình học tập, lĩnh hội tri thức. Nhu cầu của người học xuất phát từ sự cần thiết, động lực, kinh nghiệm, kiến thức nền cần có, sở thích cũng như những nhu cầu kỹ năng sáng tạo cần thiết khác. ở đường hướng mà người học làm trung tâm này, vai trò của giáo viên là nguồn cung cấp kiến thức, người giúp đỡ, hỗ trợ người học trong quá trình học tập với mục đích làm cho quá trình học tập của người học trở nên dễ dàng, hiệu quả, hứng thú, bổ ích hơn (Campell & Kryszevska, 1992).

1.2. Vai trò của giáo viên trong giảng dạy kỹ năng nói với đường hướng lấy người học làm trung tâm

Lớp học không những là nơi sinh viên học những quy tắc về ngôn ngữ mà còn là môi trường tốt để sinh viên thực hành ngôn ngữ. Trong các giờ dạy kỹ năng nói, giáo viên mà nói càng nhiều thì thời gian dành cho sinh viên thực hành nói sẽ càng ít. Do đó, để thúc đẩy sinh viên thực hành kỹ năng nói nhiều, giáo viên nên sử dụng nhiều phương pháp hấp dẫn, lôi cuốn học sinh.

Với đường hướng lấy người học làm trung tâm, ngoài vai trò truyền thống của người giáo viên là truyền đạt tri thức, kỹ năng, là người quyết định tổ chức các hoạt động trong lớp, giáo viên còn có thêm bốn vai trò nữa là: *facilitator*: người giúp việc học tập của sinh viên trở nên đơn giản hơn; là người cùng tham gia trao đổi ý kiến với sinh viên như một người kinh nghiệm hơn; là người quan sát; và cuối cùng là người tham gia học như một sinh viên.

Lấy người học làm trung tâm là người học, sinh viên không còn thụ động với bài học nữa mà đã trở thành những người cùng với giáo viên tham gia xây dựng, thiết kế chương trình với mục đích khoá học cụ thể: vai trò đóng góp xây dựng chương trình là bình đẳng với giáo viên. Hơn nữa, sinh viên cũng nhận xét về các chương trình, hoạt động trên lớp, tự nguyện học tập theo nhóm, cặp. Vai trò của sinh viên được nâng cao, tập trung; là người quyết định quá trình dạy và học; nhu cầu của sinh viên cũng chính là mục đích của bài học.

1.3. Ứng dụng đường hướng lấy người học làm trung tâm trong việc dạy kỹ năng nói

1.3.1. Collaborative: giáo viên giữ vai trò thiết kế chương trình phù hợp với nội dung: giáo viên có thể điều chỉnh giáo trình học tập đáp ứng nhu cầu thực tiễn của sinh viên là người học. Quá trình dạy học là sự kết hợp chặt chẽ, sự cộng tác mật thiết giữa giáo viên và sinh viên. Việc học tập hiệu quả hơn nếu phương pháp dạy học của giáo viên phù hợp với nhu cầu học tập, sở thích của sinh viên.

1.3.2. Interactive dialogue format: giáo viên giúp sinh viên thực hành các bài hội thoại dưới dạng phân vai trong các tình huống khác nhau. Ở đó, các bài hội thoại, bài khoá trong chương trình dạy là cơ sở để giáo viên có thể thiết kế thêm các hoạt động, tình huống khác nhau cho sinh viên luyện tập.

1.3.3. Teacher as facilitator: sinh viên làm chủ tình huống và có trách nhiệm để đạt những nhu cầu thiết yếu; giáo viên là người quyết định sinh viên nên lựa chọn và học gì (giúp sinh viên định hướng) và đánh giá khả năng của sinh viên. Giáo viên là người giúp đỡ sinh viên khiến quá trình học tập trở nên dễ dàng hơn.

1.3.4. Emphasis on process and content: tập trung vào cách học, quá

trình học cũng như luyện tập kỹ năng nói theo định hướng, mục đích, nội dung chương trình học. Sinh viên đạt kết quả tốt hơn nếu họ có thể tự quyết định nội dung, tổ chức các chương trình hoạt động dạy và học.

1.3.5. Group-centric: Các hoạt động trong giờ nói được sinh viên tiến hành theo các nhóm. Các em thảo luận và cùng nhau chia sẻ ý kiến, ở đó các em cũng có thể tự sửa lỗi cho nhau. Mỗi nhóm sẽ có một sinh viên làm nhóm trưởng điều hành, quyết định và một thư ký để ghi chép các ý kiến khác nhau của các bạn. Giáo viên lúc này sẽ đi quanh các nhóm và giúp đỡ các em nếu cần thiết.

1.3.6. Focus on real work and personal problems needing to be solved: thay vì các chủ đề khó hiểu, giáo viên có thể giúp sinh viên tạo các tình huống, các chủ đề thảo luận phù hợp với lứa tuổi, cuộc sống hàng ngày. Từ đó, sinh viên tự tin hơn khi nói vì dù sao đó cũng là những vấn đề các em đã từng kinh qua hay các em đã từng nghĩ và tìm hiểu đến.

1.4. Chuẩn đánh giá kỹ năng Nói cho SV năm thứ 1 hệ đại trà

Hết học phần 2 năm thứ nhất, sinh viên phải hình thành kỹ năng giao tiếp, trao đổi thông tin các nhân, bày tỏ và tìm hiểu thái độ, quan điểm, mô tả, so sánh, kể chuyện trong các hoàn cảnh giao tiếp xã hội hoặc du lịch, ở nơi làm việc, trong học tập. Theo đó, các khả năng ngôn ngữ cần đạt được của sinh viên ngoài khả năng sử dụng ngữ pháp và từ vựng chuẩn xác, khả năng xử lý diễn ngôn, khả năng phát âm phải hình thành được các kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ thông qua hình thức đóng vai và thảo luận nhóm. Có thể nói việc thay đổi trọng tâm trong chuẩn đánh giá để đặt ra yêu cầu giáo viên phải có những thay đổi tương ứng trong giáo trình và các bước lên lớp.

1.5. Giáo trình dạy Nói

Trước năm học 2003 - 2004, giáo trình dạy nói được sử dụng cho sinh viên năm thứ nhất là cuốn *Speaking 1*. Cuốn giáo trình này tập hợp nhiều nguồn tài liệu khác nhau chia thành các chủ điểm như con người, môi trường, giáo dục, giao thông... qua đó cung cấp từ vựng và các tình huống luyện tập. Các tình huống ngôn ngữ giả định nhằm mục đích chủ yếu là tạo cho sinh viên độ trôi chảy, lưu loát mà ít tính đến yếu tố chính xác và phức hợp của ngôn ngữ.

Kể từ năm học 2003 - 2004, thực hiện chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy kỹ năng thực hành tiếng, bắt đầu bằng việc thay đổi giáo trình, cuốn *Language to Go* (pre-intermediate) của hai tác giả Gillie Cunningham và Sue Mohamed đã được đưa vào sử dụng. Đây là cuốn sách mới được thiết kế khá hiện đại và bao gồm những thông tin tương đối cập nhật về các mảng đời sống phong phú như con người, công nghệ, nghề nghiệp, thói quen, lối sống... và cả những vấn đề mới xuất hiện trong xã hội hiện đại (như hợp đồng tiền hôn nhân). Các chủ điểm trong bài học mới mẻ nhưng gần gũi, vì vậy tạo cho sinh viên thêm niềm hứng thú rõ rệt.

Tuy nhiên, cấu trúc của sách khá đơn giản: mỗi bài bao gồm hai trang với các phần như: từ vựng, bài đọc/bài nghe ngữ pháp, luyện tập, viết hoặc/và nói. Có thể thấy ngay đây không phải là giáo trình thiết kế riêng cho môn Nói nên nếu không biết cách xử lý sẽ dễ dẫn đến việc sinh viên phải học 3 tiết kỹ năng tổng hợp thay vì chỉ học kỹ năng nói (tất nhiên, điều này không có nghĩa phủ định vai trò của ba kỹ năng Nghe, Đọc, Viết trong việc hỗ trợ phát triển kỹ năng Nói). Trong hoàn cảnh ấy, việc sử dụng giáo trình và thiết kế các bài tập, hoạt động bổ trợ trở nên hết sức cần thiết để đảm bảo sinh viên đạt được chuẩn đã đặt ra. Vấn đề bổ trợ giáo trình bằng những hoạt động thiết kế trên cơ sở chủ điểm bài học càng trở nên quan trọng hơn, nhất là khi lượng kiến thức đầu vào (mặc dù ở trình độ Pre-intermediate) so với trình độ của đa phần sinh viên là tương đối hạn chế.

1.6. Thực tế giảng dạy

Thực tế giảng dạy cũng cho thấy với thời lượng được phân bổ là 135 phút/2 bài (học kỳ 1) và 90 phút/bài (học kỳ 2), đa phần giáo viên phải sử dụng đến các tài liệu thêm giúp cho bài học thêm sinh động và nhất là cung cấp thêm cho sinh viên cơ hội để thực hành các kỹ năng ngôn ngữ cần thiết.

Những cơ sở trên đây đã đặt ra yêu cầu phải có tài liệu bổ trợ cho từng bài trong giáo trình với mục đích cung cấp cho giáo viên dạy Nói một tài liệu tham khảo cùng một số định hướng trong cách xử lý giáo trình để đạt hiệu quả cao đồng thời góp phần thực hiện đường lối cải tiến phương pháp dạy Nói theo định hướng chuyên môn.

2. Hoạt động bổ trợ

2.1. Cấu trúc

Toàn bộ chương trình thiết kế bao gồm rất nhiều hoạt động bổ trợ kỹ năng nói cho sinh viên năm thứ nhất, được chia theo nội dung từng bài trong giáo trình Language to Go (Pre-intermediate). Tổng cộng có hơn 40 đơn vị bài bổ trợ, mỗi đơn vị được chia thành 3 phần như sau:

- Phần 1: Nêu trọng tâm từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ của từng bài học trong giáo trình (bao gồm các hoạt động nghe, nói, đọc, viết đã được đưa ra trong sách). Đây là phần khung của mỗi bài trong giáo trình cần được giáo viên lưu tâm thực hiện trước khi sử dụng các hoạt động bổ trợ.

Ví dụ: Lesson 5: Scottish Wedding

Trọng tâm từ vựng: Lễ cưới

Ngữ pháp: Thể mệnh lệnh với should/shouldn't

Chức năng ngôn ngữ: Đưa ra lời khuyên

Hoạt động đọc: A Traditional Scottish Wedding

Hoạt động nghe: Getting it Right

Hoạt động nói: Đưa ra lời khuyên cho một người bạn Scotland đến dự đám cưới Việt.

Hoạt động viết: Viết thư cho một người bạn Scotland đưa ra lời khuyên khi đi dự một đám cưới Việt Nam.

- Phần 2: Bao gồm các hoạt động bổ trợ kỹ năng nói dựa vào trọng tâm từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ của từng bài. Thông thường, có nhiều hơn một hoạt động bổ trợ cho từng bài để giáo viên có thể lựa chọn tùy vào sở thích của sinh viên từng lớp. Mỗi hoạt động được giới thiệu gồm các mục sau:

- Loại hoạt động (hoạt động theo đôi, theo nhóm, đóng vai hay hoạt động chung cho cả lớp).

- Mục đích

- Chức năng ngôn ngữ được luyện tập (VD: đưa ra lời khuyên, xin phép, sắp xếp một cuộc hẹn gặp...)

- Cấu trúc ngữ pháp sử dụng trong hoạt động (VD: should/shouldn't/If I were you...)

- Phạm vi từ vựng (VD: lễ cưới, nghỉ lễ, lễ hội, hoạt động giải trí...)
- Các từ vựng cần thiết (danh sách các từ được sử dụng trong hoạt động)
 - Thời gian giới hạn cho hoạt động
 - Các bước thực hiện hoạt động
 - Phần 3: Bao gồm các tình huống và chủ đề cho sinh viên tự luyện tập ở nhà hay luyện tập theo nhóm.
 - Các tình huống (Situations) đưa ra có dạng là các hoạt động theo đôi (Student A và Student B). Tình huống đưa ra nhằm mục đích ôn luyện chức năng ngôn ngữ trọng tâm của bài giúp sinh viên củng cố độ chính xác (Accuracy), tăng cường độ trôi chảy (Fluency), từ đó giúp các em chuẩn bị tốt hơn cho kỳ thi nói.
 - Các chủ đề nói (Topics) đưa ra bám vào chủ đề của bài để sinh viên có thể vận dụng kiến thức về từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc thu được qua các hoạt động đọc, nghe và hoạt động bổ trợ trong bài để thảo luận hay đưa ra ý kiến của mình.

2.2. Cách sử dụng

Các giáo viên dạy nói cho sinh viên năm thứ nhất có thể sử dụng các hoạt động bổ trợ này để làm phong phú thêm giờ dạy, tăng thời gian nói của sinh viên trên lớp đồng thời củng cố một cách vững chắc các chức năng ngôn ngữ được coi là mục đích của mỗi bài học tiến tới đạt được mục tiêu đào tạo của cả kỳ học và năm học. Tuy vậy, vì đây là các hoạt động mang tính chất bổ trợ nên giáo viên cần chú trọng khai thác các hoạt động trong giáo trình trước.

Các hoạt động được giới thiệu cho mỗi bài tuy có cùng một mục đích là giúp tất cả các sinh viên có cơ hội luyện tập kỹ năng nói trong lớp theo mục đích của mỗi bài học song lại có độ dài ngắn và cách thức thực hiện rất khác nhau nên tùy từng hoạt động mà giáo viên có thể sử dụng trong các bước khác nhau của bài giảng. Một số chỉ đơn giản là hoạt động dẫn dắt sinh viên vào đề (way-in activities), một số khác lại phục vụ mục đích giúp các em củng cố chức năng ngôn ngữ trọng tâm của bài.

Trước khi quyết định sử dụng một hoạt động bổ trợ nào đó giáo

viên cần nghiên cứu kỹ mục đích, cấu trúc ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ được sử dụng trong đó, đồng thời cần hình dung trước cách tổ chức hoạt động sao cho ít tốn thời gian và đạt hiệu quả cao nhất. Một điều cần lưu ý nữa là sở thích của sinh viên: tùy từng đối tượng sinh viên của từng lớp mà lựa chọn hoạt động có chủ đề phù hợp, như vậy sinh viên sẽ tham gia hào hứng, sôi nổi, đồng bộ và đạt hiệu quả cao hơn.

Trong khi tổ chức hoạt động, giáo viên cần theo dõi để chắc chắn rằng mọi sinh viên trong lớp đều có cơ hội nói và nói đúng theo nội dung đã đề ra trong mục tiêu đã đề ra trọng hoạt động. Tuy nhiên, cần tạo không khí học tập thư giãn.

Cuối mỗi hoạt động đều cần có kiểm tra ngẫu nhiên và giáo viên cần đưa ra những phản hồi cần thiết để sinh viên kịp thời rút kinh nghiệm từ những sai sót trên lớp, từ đó hoàn thiện kỹ năng nói trong các hoạt động theo nhóm hay luyện tập ở nhà.

Lưu ý:

- Các hoạt động được lựa chọn trong các bài khác nhau cần đa dạng về cả loại hình, cách thức tổ chức và chủ đề.
- Sinh viên được nói với các bạn khác nhau cho mỗi giờ học.

2.3. Nhận xét qua áp dụng thực tế

- Các hoạt động đưa ra rất đa dạng về loại hình, cách thức và chủ đề nên giáo viên có thể lựa chọn theo sở thích của sinh viên, do đó rất kích thích sinh viên học tập.
- Đa số các hoạt động được tổ chức dưới dạng trò chơi (games), thi đấu (competitions) hoặc mang tính chất gần với thực tế (real-life situations) nên rất kích thích sinh viên nhiệt tình tham gia và tham gia đồng bộ. Hoạt động bổ trợ đã thực sự tạo ra những lý do chính đáng khiến sinh viên phải nói nhưng theo một cách rất tự nguyện.
- Tránh được tình trạng có một số sinh viên khá lén át cả lớp trong khi một số em lại không nói gì.
- Thời gian nói của sinh viên trên lớp tăng nhiều, thời gian nói của giáo viên giảm đáng kể.
- Tránh được tình trạng sinh viên bị sốc vì phải học lại những

cấu trúc ngữ pháp rất đơn giản vì các em thấy mình được sử dụng chúng để phát triển kỹ năng nói, nói có mục đích và nội dung.

- Phân tình huống và chủ đề nói đưa ra giúp sinh viên hình dung được rõ hơn yêu cầu của bài học và làm quen với hình thức của đề thi nói. Tuy vậy, phương pháp vẫn là task-based chứ không phải test-based.

Tài liệu tham khảo

1. Collin, C (1993) *Learner - Base teaching*. OUP.
2. Joanna Baker & Heather Westrup (2003), *Essential speaking skills*, MPG books, Ltd, Bodmin, Cornwall.
3. Tudor, I (1993), *Teachers' roles in learnered classrooms*, ELT Journal.